

Số: 650/BC-ĐHTB

Sơn La, ngày 15 tháng 7 năm 202

BÁO CÁO PHÂN TÍCH KẾT QUẢ ĐỐI SÁNH TRONG HOẠT ĐỘNG NGHIÊN CỨU KHOA HỌC CỦA NGƯỜI HỌC

1. Tóm tắt quy trình

Nhà trường tiến hành đối chiếu về loại hình, khối lượng và chất lượng Nghiên cứu của đội ngũ cán bộ, giáo viên trong nội bộ Trường theo từng năm. Các bước tiến hành:

- Bước 1: Xây dựng kế hoạch
- Bước 2: Thu thập dữ liệu
- Bước 3: Phân tích kết quả thu được và đánh giá

2. Kết quả định lượng theo tiêu chí

Đối sánh hoạt động NCKH của sinh viên (Bảng 1); đối sánh hoạt động NCKH của Trường Đại học Tây Bắc với 1 số trường đại học khác (Bảng 2)

Phân tích:

Hoạt động NCKH của sinh viên có nhiều biến động từ năm 2015 - 2019, số lượng đề tài NCKH giảm dần từ 30 - 40% so với các năm 2015 về trước. Nguyên nhân chính là số lượng sinh viên tuyển sinh hàng năm giảm nhiều (xu thế chung của các trường đại học, cao đẳng), kinh phí hỗ trợ nghiên cứu thấp và còn nhiều yếu tố khách quan từ xã hội tác động.

Mặc dù, những năm gần đây Nhà trường có nhiều biện pháp khuyến khích phong trào NCKH trong sinh viên, nhưng vẫn chưa đạt được kết quả như mong muốn. Ví dụ: gắn đề tài cấp cơ sở của giảng viên, cán bộ với đề tài NCKH của sinh viên; khen thưởng, cộng điểm vào tổng điểm cuối khóa ...

3. Kế hoạch cải tiến

- Tăng kinh phí đề tài hỗ trợ NCKH của sinh viên: Trước giai đoạn 2015, mức hỗ trợ từ 300.000đ/đề tài, hiện nay đã được nâng lên 500.000đ/đề tài. Trong thời gian tới Phòng KHCN&HTQT tiếp tục đề xuất tăng thêm để sinh viên có đủ mức kinh phí đi điều tra, thực địa, khảo sát, từ đó sẽ nâng cao hơn độ chính xác của kết quả nghiên cứu.



- Mỗi đề tài NCKH của sinh viên sẽ được liên kết với đề tài KHCN cấp Bộ, Tỉnh, Cơ sở của giảng viên, cán bộ. Tăng cường công bố khoa học trên các tạp chí khoa học, đặc biệt Tạp chí Khoa học Trường Đại học Tây Bắc.

- Điều chỉnh Thời gian nghiên cứu đối với hoạt động NCKH của sinh viên cho phù hợp với nội dung nghiên cứu và tính chất thời vụ đối với nhóm ngành Nông nghiệp - Lâm nghiệp.

Nơi nhận:

- Ban Giám hiệu (b/c);
- Các đơn vị trực thuộc (th/h);
- Lưu: VT, KHCN&HTQT (3b).



TS. Đinh Thanh Tâm



BẢNG 1: ĐỐI SÁNH HOẠT ĐỘNG NCKH CỦA SINH VIÊN GIAI ĐOẠN 2015 – 2019

TT	Tiêu chí	2015	2016			2017			2018			2019		
		Số lượng	Số lượng	Tỷ lệ %	So với năm trước (% tăng, giảm)	Số lượng	Tỷ lệ %	So với năm trước (% tăng, giảm)	Số lượng	Tỷ lệ %	So với năm trước (% tăng, giảm)	Số lượng	Tỷ lệ %	So với năm trước (% tăng, giảm)
I	Số lượng sinh viên tham gia	307	290	0.9	Tăng	268	0.92	Tăng	197	0.7	Giảm	182	1.82	Giảm
II	Số lượng đề tài NCKH	95	91	1	Giảm	83	0.91	Giảm	67	0.8	Tăng	68	1.01	Giảm
III	Chất lượng NCKH													
1	Đạt giải thưởng SV NCKH	3	1	0.3	Giảm	1	1	Không tăng	2	2	Tăng	2	1	Không tăng
2	Xếp loại xuất sắc	70	66	0.9	Giảm	62	0.94	Giảm	31	0.5	Giảm	45	1.45	Tăng
3	Xếp loại giỏi	14	21	1.5	Tăng	14	0.67	Giảm	13	0.9	Giảm	6	0.46	Giảm
4	Xếp loại khá	8	4	0.5	Giảm	6	1.5	Tăng	0	0	Không tăng	5	5	Không tăng
5	Xếp loại Trung bình	2	0	0	Giảm	0	0	Không tăng	0	0	Không tăng	0	0	Không tăng
6	Dùng nghiên cứu	1	0	0	Giảm	1	1	Tăng	23	23	Tăng	12	0.52	Giảm



**BẢNG 2. ĐỐI SÁNH HOẠT ĐỘNG NCKH CỦA NGƯỜI HỌC GIỮA TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÂY BẮC
VỚI MỘT SỐ TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHÁC**

TT	Tên trường	2016	Tỉ lệ %	2017	Tỉ lệ %	2018	Tỉ lệ %	2019	Tỉ lệ %	2020	Tỉ lệ %
1	Trường ĐH Tây Bắc	290	96.34%	268	95.03%	197	76.95%	182	60.26%	83	20.04%
2	Trường ĐH Cần Thơ	289	96.01%	282	100%	256	100%	302	100%	414	100%
3	Đại học Kiến trúc TP Hồ Chí Minh	13	4.31%	26	9.7%	41	16.01%	56	18.54%	79	19.08%
4	Trường ĐH An Giang	13	4.31%	11	3.9%	11	4.29%	9	2.98%	1	0.24%
5	Đại học Thái Nguyên	301	100%	240	85.10%	167	65.23	100	33.11%	92	22.22%

